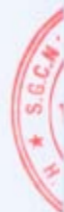




**Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn
Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0106000697	Ngày 9 tháng 5 năm 2006
	0106000697	Ngày 28 tháng 12 năm 2006
	0106000697	Ngày 22 tháng 8 năm 2007
	0106000697	Ngày 3 tháng 11 năm 2008
	0106000697	Ngày 12 tháng 12 năm 2009
	0100100008	Ngày 27 tháng 10 năm 2010
	0100100008	Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100008 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Trần Quang Nghị	Ủy viên
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Phạm Duy Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Nghị	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phở	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiên	Phó Tổng Giám đốc (từ 26/12/2013)
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc (từ 26/12/2013)
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ 26/12/2013)
Bà Dương Thị Ngọc Dung	Phó Tổng Giám đốc (đến 4/1/2013)
Ông Bùi Nguyên Tiên	Giám đốc Điều hành (đến 26/12/2013)
Ông Đặng Vũ Hùng	Giám đốc Điều hành (từ 3/4/2013 đến 26/12/2013)
Ông Phạm Phú Cường	Giám đốc Điều hành (từ 3/4/2013 đến 26/12/2013)
Ông Ưông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành (từ 3/4/2013)
Ông Phạm Hòa Bình	Giám đốc Điều hành (đến 1/10/2013)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt May Việt Nam”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt May Việt Nam”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 4 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được điều chỉnh lại. Trong năm 2013, căn cứ vào Quyết định số 5151/QĐ-BCT ngày 7 tháng 10 năm 2011 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Quyết định số 4373/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa, căn cứ vào Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013 và căn cứ vào Quyết định số 10132/QĐ-BCT (“Quyết định 10132”) ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 4373/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa, Tập đoàn Dệt May đã điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Quyết định 10132 và do đó làm thay đổi một số số liệu kế toán và báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Thuyết minh 12 của báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại hai công ty con sở hữu 100% của Tập đoàn là Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam và Công ty TNHH NN Một Thành viên Dệt 8/3 đang có dấu hiệu giảm giá với tổng giá trị là 57.197 triệu VND do hai công ty con này bị lỗ trong năm 2013. Do Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang Công ty Cổ phần, Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho rằng số lỗ lũy kế của hai công ty con này sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý khi xác định lại phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần, dự kiến trong Quý 3 năm 2014. Do vậy, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào 2 công ty con này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 13-02-298



Đào Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2014

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.575.679.913.701	1.301.877.172.622
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	713.466.670.616	460.776.683.009
Tiền	111		28.249.387.430	37.134.771.815
Các khoản tương đương tiền	112		685.217.283.186	423.641.911.194
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	137.997.373.660	125.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		137.997.373.660	125.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	708.704.460.805	711.631.730.636
Phải thu khách hàng	131		39.778.699.608	42.031.383.135
Trả trước cho người bán	132		9.963.857.758	2.620.806.872
Các khoản phải thu khác	135		658.961.903.439	666.979.540.629
Hàng tồn kho	140	8	10.206.730.627	1.875.891.436
Hàng tồn kho	141		12.217.891.919	1.875.891.436
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.011.161.292)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.304.677.993	2.592.867.541
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		615.465.908	115.080.603
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.190.073.440	89.209.128
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.499.138.645	2.388.577.810

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		3.710.554.955.153	3.786.533.289.851
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	1.294.286.359	11.694.286.780
Phải thu dài hạn khác	218		1.294.286.359	11.694.286.780
Tài sản cố định	220		421.658.693.750	367.665.783.874
Tài sản cố định hữu hình	221	9	294.158.765.934	266.256.060.870
Nguyên giá	222		640.080.266.689	563.372.952.269
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(345.921.500.755)	(297.116.891.399)
Tài sản cố định vô hình	227	10	55.217.486.644	56.656.209.592
Nguyên giá	228		63.145.078.600	63.145.078.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.927.591.956)	(6.488.869.008)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	72.282.441.172	44.753.513.412
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	3.245.070.723.261	3.368.327.900.994
Đầu tư vào công ty con	251		1.484.027.296.310	1.523.236.957.988
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		1.269.675.033.213	1.291.039.656.832
Đầu tư dài hạn khác	258		511.849.621.738	554.051.286.174
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(20.481.228.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		42.531.251.783	38.845.318.203
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	37.220.098.283	33.521.384.463
Tài sản dài hạn khác	268		5.311.153.500	5.323.933.740
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.286.234.868.854	5.088.410.462.473

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		557.714.645.284	511.779.603.754
Nợ ngắn hạn	310		520.880.125.751	487.016.541.141
Vay ngắn hạn	311	15	275.877.765.948	265.240.000.000
Phải trả người bán	312		6.781.843.061	3.069.084.613
Người mua trả tiền trước	313		2.951.057.935	1.285.101.749
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314		1.420.811.472	5.471.095.509
Phải trả người lao động	315		17.698.433.388	17.390.024.867
Chi phí phải trả	316	16	104.207.111.344	76.301.159.570
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	89.630.843.522	95.110.150.391
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		22.312.259.081	23.149.924.442
Vay và nợ dài hạn	330		36.834.519.533	24.763.062.613
Phải trả dài hạn người bán	331		14.876.990.810	-
Phải trả dài hạn khác	333		119.804.550	-
Vay dài hạn	334	18	21.837.724.173	24.763.062.613
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		4.728.520.223.570	4.576.630.858.719
Vốn chủ sở hữu	410	19	4.686.398.671.570	4.534.509.306.719
Vốn góp	411	20	4.285.655.300.181	4.299.595.911.499
Quỹ đầu tư và phát triển	417	21	268.948.213.644	5.009.228.622
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	-	22.989.713.261
Lợi nhuận chưa phân phối	420		112.831.135.000	177.006.308.371
Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	422	21	18.964.022.745	29.908.144.966
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		42.121.552.000	42.121.552.000
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		42.121.552.000	42.121.552.000
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.286.234.868.854	5.088.410.462.473

Ngày 28 tháng 4 năm 2014

Người lập


 Trần Thị Thu Hằng
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:


 Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính


 Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ


	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	22	116.083.284.971	116.379.636.104
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	107.553.600	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	115.975.731.371	116.379.636.104
Giá vốn hàng bán	11	23	79.121.468.385	72.394.203.616
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		36.854.262.986	43.985.432.488
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	423.183.047.872	350.397.685.539
Chi phí tài chính	22	25	64.495.931.107	27.384.531.043
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		33.477.667.120	26.173.208.688
Chi phí bán hàng	24		154.121.647	43.852.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		161.317.256.258	150.132.533.606
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		234.070.001.846	216.822.200.605
Thu nhập khác	31		755.810.299	1.823.974.566
Chi phí khác	32		1.298.465.115	1.952.724.800
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(542.654.816)	(128.750.234)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		233.527.347.030	216.693.450.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		233.527.347.030	216.693.450.371

Ngày 28 tháng 4 năm 2014

Người lập


 Trần Thị Thu Hằng
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:


 Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính



 Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND	
	Đã điều chỉnh lại				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.060.193.784	5.113.594.737	(6.043.896.536)	129.891.985
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		<i>20.923.042</i>	<i>(20.786.677)</i>	<i>(136.365)</i>	-
<i>Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>		<i>1.039.270.742</i>	<i>5.134.381.414</i>	<i>(6.043.760.171)</i>	<i>129.891.985</i>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	188.453.100	(188.453.100)	-
<i>Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>		-	<i>188.453.100</i>	<i>(188.453.100)</i>	-
Tiền thuê đất	18	1.599.196.008	3.266.091.489	(3.682.760.497)	1.182.527.000
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		-	<i>2.071.112.795</i>	<i>(2.071.112.795)</i>	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>		<i>1.599.196.008</i>	<i>961.123.694</i>	<i>(1.611.647.702)</i>	<i>948.672.000</i>
<i>Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>		-	<i>233.855.000</i>	-	<i>233.855.000</i>
Các loại thuế khác	19	2.811.705.717	2.273.558.801	(4.976.872.031)	108.392.487
+ Thuế môn bài		-	6.000.000	(6.000.000)	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>		-	<i>3.000.000</i>	<i>(3.000.000)</i>	-
<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>		-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-
<i>Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối</i>		-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-
<i>Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng</i>		-	<i>1.000.000</i>	<i>(1.000.000)</i>	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN

Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
	Đã điều chỉnh lại			
	73.335.837	2.267.558.801	(2.232.502.151)	108.392.487
	55.088.279	2.162.297.254	(2.112.113.247)	105.272.286
	-	685.615	(685.615)	-
	18.247.558	104.575.932	(119.703.289)	3.120.201
	2.738.369.880	-	(2.738.369.880)	-
	2.738.369.880	-	(2.738.369.880)	-
40	5.471.095.509	10.841.698.127	(14.891.982.164)	1.420.811.472

+ Thuế thu nhập cá nhân

Văn phòng Hà Nội

Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối

Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng

+ Thuế nhà thầu

Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối

Ngày 28 tháng 4 năm 2014

Người lập



Trần Thị Thu Hằng
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		233.527.347.030	216.693.450.371
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		42.835.492.587	42.684.056.699
Các khoản dự phòng	03		20.481.228.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.777.080)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(413.421.149.453)	(350.035.715.695)
Chi phí lãi vay	06		33.477.667.120	26.173.208.688
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(83.104.191.796)	(64.484.999.937)
Biến động các khoản phải thu	09		29.731.847.355	68.608.715.106
Biến động hàng tồn kho	10		(3.753.786.620)	196.502.888
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(22.693.798.870)	(1.109.985.425)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.911.399.267)	991.132.756
			(82.731.329.198)	4.201.365.388
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.825.350.452)	(3.328.008.688)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	172.608.708
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(34.338.151.079)	(19.764.077.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118.894.830.729)	(18.718.111.802)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(32.524.258.219)	(15.428.691.512)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(67.516.388.268)	(151.091.521.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		98.610.059.950	225.797.206.902
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(38.992.980.000)	(48.850.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		157.315.328.088	40.955.867.600
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		279.329.477.452	315.600.493.101
Tiền tăng do sáp nhập đơn vị phụ thuộc	28		195.727.480	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		396.416.966.483	366.983.355.091
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		10.803.074.773	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.640.000.000)	(35.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.836.925.227)	(35.640.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		252.685.210.527	312.625.243.289
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		460.776.683.009	148.151.439.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		4.777.080	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	713.466.670.616	460.776.683.009

Ngày 28 tháng 4 năm 2014

Người lập



Trần Thị Thu Hằng
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt May Việt Nam”) là một công ty TNHH Một Thành Viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
• Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 316934 ngày 6 tháng 8 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
• Xi nghiệp Sản xuất Kinh doanh Áo vét Hải Phòng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000103 ngày 19 tháng 10 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
• Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300615682 ngày 26 tháng 8 năm 2011 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Vinatex Quảng Ngãi được sáp nhập thành một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất số 0100100008 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam bao gồm bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Một thành viên Vinatex Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam với các hoạt động chính như sau:

1 Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
- 2 Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 1.373 nhân viên (31/12/2012: 995 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chúng phát sinh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 12 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 10 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 32 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam và được phân bổ không quá 10 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Cơ quan Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Cơ quan Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Số liệu so sánh

Trong năm 2013, căn cứ vào Quyết định số 5151/QĐ-BCT ngày 7 tháng 10 năm 2011 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Quyết định số 4373/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa, căn cứ vào Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013 và căn cứ vào Quyết định số 10132/QĐ-BCT (“Quyết định 10132”) ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương sửa đổi Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 4373/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa, Tập đoàn Dệt May đã điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Quyết định 10132 và do đó làm thay đổi số liệu kế toán tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trên Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi do việc xác định lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh nói trên được tổng hợp dưới đây:

Bảng cân đối kế toán riêng

	31/12/2012 VND	VND	31/12/2012 VND
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
Phải thu khách hàng	41.801.229.673	230.153.462	42.031.383.135
Trả trước cho người bán	2.357.186.872	263.620.000	2.620.806.872
Các khoản phải thu khác	703.906.312.733	(36.926.772.104)	666.979.540.629
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.183.876.200)	30.183.876.200	-
Phải thu dài hạn khác	50.038.000.000	(38.343.713.220)	11.694.286.780
Tài sản cố định hữu hình			
<i>Nguyên giá</i>	395.983.666.002	167.389.286.267	563.372.952.269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(212.858.480.180)	(84.258.411.219)	(297.116.891.399)
Đầu tư vào công ty con	1.442.051.421.745	81.185.536.243	1.523.236.957.988
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	892.746.065.000	398.293.591.832	1.291.039.656.832
Đầu tư dài hạn khác	633.798.768.659	(79.747.482.485)	554.051.286.174
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(56.008.152.293)	56.008.152.293	-
Chi phí trả trước dài hạn	24.517.095.632	9.004.288.831	33.521.384.463
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	5.450.172.467	20.923.042	5.471.095.509
Chi phí phải trả	44.681.173.388	31.619.986.182	76.301.159.570
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.601.734.506	79.508.415.885	95.110.150.391
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	32.386.741.043	(9.236.816.601)	23.149.924.442
Vốn góp	3.400.000.000.000	899.595.911.499	4.299.595.911.499
Quỹ đầu tư phát triển	18.400.900.268	(13.391.671.646)	5.009.228.622
Quỹ dự phòng tài chính	71.134.427.313	(48.144.714.052)	22.989.713.261
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	154.867.624.985	(154.867.624.985)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	361.380.020.978	(184.373.712.607)	177.006.308.371
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	42.133.829.000	(42.133.829.000)	-
Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	127.344.438.583	(97.436.293.617)	29.908.144.966
Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	42.121.552.000	42.121.552.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2012 VND	VND	2012 VND
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	116.170.405.684	209.230.420	116.379.636.104
Giá vốn hàng bán	70.960.973.308	1.433.230.308	72.394.203.616
Doanh thu hoạt động tài chính	357.700.491.537	(7.302.805.998)	350.397.685.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp	145.081.596.843	5.050.936.763	150.132.533.606
Thu nhập khác	1.449.914.566	374.060.000	1.823.974.566
Lợi nhuận trước và sau thuế TNDN	229.897.133.020	(13.203.682.649)	216.693.450.371

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2012 VND	VND	2012 VND
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận trước thuế	229.897.133.020	(13.203.682.649)	216.693.450.371
Khấu hao và phân bổ	34.732.817.810	7.951.238.889	42.684.056.699
Lãi từ hoạt động đầu tư	(357.338.521.693)	7.302.805.998	(350.035.715.695)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(66.535.362.175)	2.050.362.238	(64.484.999.937)
Biến động các khoản phải thu	68.817.945.526	(209.230.420)	68.608.715.106
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(735.925.425)	(374.060.000)	(1.109.985.425)
Biến động chi phí trả trước	2.458.204.574	(1.467.071.818)	991.132.756

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	4.000.966.281	1.747.239.369
Tiền gửi ngân hàng	24.248.421.149	35.387.532.446
Các khoản tương đương tiền	685.217.283.186	423.641.911.194
	713.466.670.616	460.776.683.009

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 7% đến 9% (năm 2012: từ 8% đến 9%) một năm.

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Thương mại	35.954.567.205	20.447.947.213
Phi thương mại	642.271.440.290	637.247.422.685

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Trong các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan có 328.104 triệu VND (31/12/2012: 372.195 triệu VND) là các khoản cho vay với lãi suất dao động từ 0% đến 16% (2012: từ 0% đến 18%) một năm.

Ngoài các khoản cho vay nói trên, các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	2.666.783.803	18.738.854.396
Cổ tức phải thu	304.004.107.908	203.138.352.179
Cho vay	328.104.014.608	372.195.059.950
Tiền lãi	2.438.560.645	17.080.868.073
Tiền ứng trước cho Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ để mua cổ phiếu	-	11.000.000.000
Lợi nhuận giữ lại phải thu từ các công ty con	3.547.200.256	3.547.200.256
Phải thu từ bán khoản đầu tư	1.530.000.000	1.530.000.000
Tiền chuyển cho Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư vào công ty con chờ thanh toán	-	25.500.000.000
Các khoản phải thu khác	11.671.236.219	9.249.205.775
	658.961.903.439	666.979.540.629

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản cho vay dài hạn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Công ty Cổ phần may Sơn Động	-	10.000.000.000
Các công ty khác	1.294.286.359	1.694.286.780
	1.294.286.359	11.694.286.780

Các khoản cho vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 8% (2012: từ 0% đến 9,6%) với thời hạn hoàn trả là 2 năm.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên vật liệu	2.684.432.862	870.108.122
Công cụ và dụng cụ	67.805.875	118.317.233
Thành phẩm	8.911.186.988	887.466.081
Hàng hóa	554.466.194	-
	12.217.891.919	1.875.891.436
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.011.161.292)	-
	10.206.730.627	1.875.891.436

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 3.053 triệu VND hàng thành phẩm (31/12/2012: Không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<i>Số dư đầu năm - đã báo cáo trước đây</i>	149.064.324.982	236.468.223.399	7.444.347.114	3.006.770.507	395.983.666.002
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	165.560.497.462	87.325.704	1.794.562.493	(53.099.392)	167.389.286.267
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh	314.624.822.444	236.555.549.103	9.238.909.607	2.953.671.115	563.372.952.269
Tăng do mua sắm trong năm	31.307.586	2.310.994.700	2.189.620.910	463.407.263	4.995.330.459
Tăng do sáp nhập đơn vị phụ thuộc	42.248.916.400	17.168.540.783	13.683.569.990	-	73.101.027.173
Phân loại lại (*)	-	(255.949.759)	(149.697.398)	(983.396.055)	(1.389.043.212)
Tăng/giảm khác	(981.167)	27.865.160	-	(26.883.993)	-
Số dư cuối năm	356.904.065.263	255.806.999.987	24.962.403.109	2.406.798.330	640.080.266.689

Giá trị hao mòn lũy kế

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<i>Số dư đầu năm - đã báo cáo trước đây</i>	60.521.048.662	145.172.073.826	4.945.439.734	2.219.917.958	212.858.480.180
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	54.476.529.796	29.726.386.570	527.508.440	(472.013.587)	84.258.411.219
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh	114.997.578.458	174.898.460.396	5.472.948.174	1.747.904.371	297.116.891.399
Khấu hao trong năm	16.392.275.735	23.763.011.502	860.716.692	380.765.710	41.396.769.639
Tăng do sáp nhập đơn vị phụ thuộc	2.486.209.990	3.757.131.653	2.014.891.089	-	8.258.232.732
Phân loại lại	1.169.645.566	(1.145.193.105)	-	(24.452.461)	-
Phân loại lại (*)	-	(199.081.213)	(42.858.166)	(608.453.636)	(850.393.015)
Số dư cuối năm	135.045.709.749	201.074.329.233	8.305.697.789	1.495.763.984	345.921.500.755
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	199.627.243.986	61.657.088.707	3.765.961.433	1.205.766.744	266.256.060.870
Số dư cuối năm	221.858.355.514	54.732.670.754	16.656.705.320	911.034.346	294.158.765.934

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 180.040 triệu VND (31/12/2012: 123.791 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	62.544.728.600	600.350.000	63.145.078.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.252.368.440	236.500.568	6.488.869.008
Khấu hao trong năm	1.250.953.860	187.769.088	1.438.722.948
Số dư cuối năm	7.503.322.300	424.269.656	7.927.591.956
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	56.292.360.160	363.849.432	56.656.209.592
Số dư cuối năm	55.041.406.300	176.080.344	55.217.486.644

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	44.753.513.412	31.108.740.558
Tăng trong năm	27.528.927.760	13.644.772.854
Số dư cuối năm	72.282.441.172	44.753.513.412
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Bảo tàng Dệt may	51.432.594.474	42.429.451.317
Nhà máy sợi Phú Hưng	18.525.784.603	-
Khác	2.324.062.095	2.324.062.095
	72.282.441.172	44.753.513.412

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Các công ty con (*)	1.484.027.296.310	1.523.236.957.988
▪ Các công ty liên kết, liên doanh	1.269.675.033.213	1.291.039.656.832
Các khoản đầu tư dài hạn khác	511.849.621.738	554.051.286.174
	3.265.551.951.261	3.368.327.900.994
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(20.481.228.000)	-
	3.245.070.723.261	3.368.327.900.994

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại hai công ty con sở hữu 100% của Tập đoàn là Công ty TNHH MTV Thương mại Thời trang Dệt May Việt Nam và Công ty TNHH NN Một Thành viên Dệt 8/3 đang có dấu hiệu giảm giá với tổng giá trị là 57.197 triệu VND do hai công ty con này bị lỗ trong năm 2013. Do Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi từ Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang Công ty Cổ phần, Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho rằng số lỗ lũy kế của hai công ty con này sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý khi xác định lại phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần, dự kiến trong Quý 3 năm 2014. Do vậy, Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào 2 công ty con này.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm - đã báo cáo trước đây	-	56.008.152.293
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)	-	(56.008.152.293)
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	20.481.228.000	-
Số dư cuối năm	20.481.228.000	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

13. Các đơn vị thuộc Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 17 công ty con cấp 1, trong đó các công ty con giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2013		31/12/2012	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May	64,10%	64,10%	334.760.028.098	334.760.028.098
Công ty TNHH MTV Thương Mại				
Thời Trang Dệt May Việt Nam	100,00%	100,00%	229.498.581.983	274.498.581.983
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	149.686.943.318	163.627.554.636
Công ty TNHH NN Một Thành viên Dệt 8/3	100,00%	100,00%	153.199.296.963	127.195.696.963
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	71,62%	71,62%	128.581.189.775	128.581.189.775
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	10.237.500.000	10.237.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	124.256.272.579	124.256.272.579
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	77.807.741.359	77.807.741.359
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may				
Thành Phố Hồ Chí Minh	-	-	-	44.269.050.360
Công ty Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	71.191.925.340	71.191.925.340
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.990.504.662	28.990.504.662
Công ty CP SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	62,96%	62,96%	30.360.592.000	30.360.592.000
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	14.300.000.000	14.300.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 26 công ty liên kết, trong đó các công ty liên kết giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2013		31/12/2012		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Đã điều chỉnh lại % quyền biểu quyết	VND
Công ty liên kết					
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	48,88%	48,88%	398.202.788.103	48,88%	382.927.788.103
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	62.062.419.096	27,69%	62.062.419.096
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	31.121.544.614	27,00%	31.121.544.614
Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	38.052.066.554	36,79%	38.052.066.554
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	38,10%	38,10%	41.845.951.106	40,00%	37.158.751.106
Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	36,99%	36,99%	46.125.042.821	36,99%	46.125.042.821
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	47,88%	47,88%	187.356.408.457	47,88%	187.356.408.457
Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	49,28%	49,28%	175.057.552.325	49,28%	175.057.552.325

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm - đã báo cáo trước đây	23.281.128.507	1.235.967.125	-	-	24.517.095.632
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)</i>	<i>(137.895.934)</i>	<i>2.193.123.723</i>	<i>5.618.957.875</i>	<i>1.330.103.167</i>	<i>9.004.288.831</i>
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh	23.143.232.573	3.429.090.848	5.618.957.875	1.330.103.167	33.521.384.463
Tăng do mua sắm trong năm	2.015.577.346	3.764.839.261	-	2.981.560.954	8.761.977.561
Tăng do sáp nhập đơn vị phụ thuộc	-	562.083.753	-	-	562.083.753
Phân loại lại tài sản cố định (*)	-	538.650.197	-	-	538.650.197
Phân bổ trong năm	(1.895.851.703)	(2.005.392.457)	-	(2.179.780.131)	(6.081.024.291)
Giảm khác	-	(82.973.400)	-	-	(82.973.400)
Số dư cuối năm	23.262.958.216	6.206.298.202	5.618.957.875	2.131.883.990	37.220.098.283

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong năm (Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	27.159.703.335	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	248.718.062.613	265.240.000.000
	<hr/> 275.877.765.948	<hr/> 265.240.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hệ thống Siêu thị Vinatex (a)	VND	8% - 11%	20.740.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (b)	VND	9%	1.499.059.818	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	11%	4.920.643.517	-
			<hr/> 27.159.703.335	<hr/> -

- (a) Khoản vay từ Hệ thống Siêu thị Vinatex không được đảm bảo.
- (b) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.437 triệu VND.
- (c) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 64.842 triệu VND.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	4.499.545.454	4.394.977.273
Chi phí lãi vay	66.649.916.668	34.998.600.000
Tiền thuê đất phải trả (*)	30.357.504.000	32.254.808.000
Chi phí phải trả khác	2.700.145.222	4.652.774.297
	104.207.111.344	76.301.159.570

(*) Thể hiện số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013 cho Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND Đã điều chỉnh lại
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.376.773.858	1.050.325.554
Phải trả các công ty liên quan	402.231.964	2.554.204.200
Quỹ từ thiện	2.835.337.393	3.666.571.012
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	791.829.324
Các khoản phải trả khác	85.016.500.307	87.047.220.301
	89.630.843.522	95.110.150.391

Trong các khoản phải trả khác có các khoản phải trả cho các trường đào tạo, là phần vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN, chi tiết như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	62.410.932.000	66.991.000.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May	16.934.000.000	16.934.000.000
Thời Trang Hà Nội	718.970.499	718.970.499
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	718.970.499	718.970.499
	80.063.902.499	84.643.970.499

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên (a)	11.558.062.613	39.638.062.613
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên 2 (b)	13.205.000.000	20.765.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Huế (c)	8.699.474.773	-
Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam (d)	229.600.000.000	229.600.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi (e)	5.389.649.400	-
Công ty TNHH Oktava Việt Nam (f)	2.103.600.000	-
	270.555.786.786	290.003.062.613
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(248.718.062.613)	(265.240.000.000)
	21.837.724.173	24.763.062.613

- (a) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 48.453 triệu VND (31/12/2012: 67.422 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất 4,2% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 4 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 2.340 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (b) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 48.218 triệu VND (31/12/2012: 56.369 triệu VND). Khoản vay này gồm hai khoản chịu lãi suất lần lượt là 3% và 6,6% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 20 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả tổng cộng là 630 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (c) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản hình thành trong tương lai của nhà máy Phú Hưng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 18.526 triệu VND. Khoản vay này chịu lãi suất là 10,5% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 96 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả tổng cộng là 272 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (d) Khoản vay này không được bảo đảm, đã quá hạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2012 và chưa được gia hạn. Khoản vay chịu lãi suất 3% một năm trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012, chịu lãi suất quá hạn 16,5% một năm kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2013, và chịu lãi suất quá hạn 11,25% từ 1 tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (e) Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 64.842 triệu VND. Khoản vay này chịu lãi suất là 14,5% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 69 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả tổng cộng trung bình là 286 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- (f) Khoản vay này không được bảo đảm, không chịu lãi suất.

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Chênh lệch giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2012 - đã điều chỉnh lại	4.299.595.911.499	-	-	-	-	-	-	-	4.299.595.911.499
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 đã báo cáo trước đây	3.400.000.000.000	91.850.932	13.391.071.646	48.144.714.053	155.862.966.151	171.170.029.958	42.133.829.000	97.436.293.617	3.928.231.385.357
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)	899.595.911.499	(91.850.932)	(13.391.071.646)	(48.144.714.053)	(155.862.966.151)	(171.170.029.958)	(42.133.829.000)	(97.436.293.617)	371.364.526.142
Yếu tố tự phát thu về cổ phần loại chứng khoán (Thuyết minh 5, năm -)	-	-	-	-	-	-	-	14.474.957.684	34.474.957.684
Điều chỉnh trước đây	-	-	-	-	(993.341.166)	229.897.133.020	-	-	229.897.133.020
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	993.341.166	(13.203.682.649)	-	-	(12.208.341.483)
Số dư nhận được trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	216.693.450.371	-	-	216.693.450.371
Sử dụng các quỹ - đã điều chỉnh lại	-	-	5.009.228.622	22.989.713.261	-	(39.687.142.000)	-	(7.846.242.766)	(7.846.242.766)
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ trên dòng khác	-	-	-	-	-	-	-	3.279.430.048	(11.688.200.117)
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	216.693.450.371	-	-	216.693.450.371
- Sử dụng các quỹ	-	-	5.009.228.622	22.989.713.261	-	(39.687.142.000)	-	(7.846.242.766)	(7.846.242.766)
- Phân phối lợi nhuận vào các quỹ trên dòng khác	-	-	-	-	-	-	-	3.279.430.048	(11.688.200.117)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2013 - đã báo cáo trước đây	4.299.595.911.499	-	5.009.228.622	22.989.713.261	-	177.006.308.371	-	29.908.144.966	4.534.509.306.719
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)	3.400.000.000.000	-	(13.391.071.646)	(48.144.714.052)	(154.867.624.985)	(184.373.712.607)	(42.133.829.000)	(97.436.293.617)	4.173.261.241.127
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 - đã báo cáo trước đây	899.595.911.499	-	18.400.900.268	71.134.427.313	154.867.624.985	361.380.020.978	42.133.829.000	127.344.438.583	4.173.261.241.127
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 4)	-	-	(13.391.071.646)	(48.144.714.052)	(154.867.624.985)	(184.373.712.607)	(42.133.829.000)	(97.436.293.617)	159.248.063.592
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	233.527.347.030	-	-	233.527.347.030
Sử dụng các quỹ	-	-	203.958.376.204	(21.669.345.019)	-	(182.289.031.255)	-	(8.783.478.146)	(8.783.478.146)
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ trên dòng khác	-	-	4.980.608.728	(1.320.368.222)	-	(71.742.592.242)	-	-	(15.082.351.736)
Số dư nhận được từ nhận góp vốn từ tài trợ một Công ty con Nỗ lực khác	(13.940.611.318)	-	-	-	-	(14.041.266.964)	-	-	(13.940.611.318)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.160.644.075)	(14.041.266.964)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	4.285.655.200.181	-	268.949.333.644	-	-	112.831.135.000	-	18.964.022.745	4.686.398.671.570

20. Vốn góp

Vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam do Chính Phủ Việt Nam đóng góp toàn bộ. Vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được xác định lại và ghi nhận theo Quyết định số 10132/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Quỹ này được lập nhằm phục vụ hoạt động mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ này được sử dụng cho hoạt động mở rộng kinh doanh, số tiền được sử dụng sẽ được chuyển sang vốn.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng thành viên của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Quỹ này được lập để phòng ngừa các rủi ro kinh doanh trong tương lai.

(c) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Bộ Tài chính chuyển cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhằm phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ của các trường dạy nghề thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(d) Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp

Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp được hình thành từ nguồn thu khi tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam; thu từ việc giao, bán, giải thể, phá sản doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo quy định của pháp luật và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Quỹ này được sử dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật; bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	2.922.242.141	676.714.486
▪ Dịch vụ gia công	73.876.670.026	68.602.735.413
▪ Cung cấp dịch vụ	10.082.291.293	7.337.656.636
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	18.177.403.541	28.111.902.479
▪ Khác	11.024.677.970	11.650.627.090
	116.083.284.971	116.379.636.104
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Khác	(107.553.600)	-
Doanh thu thuần	115.975.731.371	116.379.636.104

23. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Hàng hoá đã bán	2.749.793.641	246.504.401
Dịch vụ gia công	62.768.070.088	59.688.321.098
Dịch vụ đã cung ứng	13.603.604.656	12.459.378.117
	79.121.468.385	72.394.203.616

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Lãi tiền gửi và cho vay	68.270.245.988	75.263.347.396
Cổ tức	322.234.493.792	260.536.956.697
Lãi từ hoạt động bán cổ phiếu	32.430.688.645	14.327.292.534
Doanh thu hoạt động tài chính khác	247.619.447	270.088.912
	423.183.047.872	350.397.685.539

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	33.477.667.120	26.173.208.688
Lỗ do thanh lý đầu tư dài hạn	9.514.278.972	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	20.481.228.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.857.492	11.258
Các chi phí tài chính khác	978.899.523	1.211.311.097
	64.495.931.107	27.384.531.043

26. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận trước thuế	233.527.347.030	216.693.450.371
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	58.381.836.758	54.173.362.593
Ảnh hưởng của thay đổi về thuế suất	1.495.329.957	-
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	9.715.703.715	6.636.331.068
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	10.965.753.018	4.324.545.513
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(80.558.623.448)	(65.134.239.174)
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2013		31/12/2012 Đã điều chỉnh lại	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	96.772.143.893	21.289.871.656	26.544.100.535	6.636.025.134

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2017	Chưa quyết toán	26.544.100.535
2018	Chưa quyết toán	70.228.043.358
		<hr/>
		96.772.143.893

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số lỗ được khấu trừ phản ánh các khoản lỗ lũy kế phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế thu nhập của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các đơn vị phụ thuộc là Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối và Vinatex Quảng Ngãi.

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu					Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2013 VND
		Tổng doanh thu 2013 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2013 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2013 VND	Thu nhập khác 2013 VND	Doanh thu 2013 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ Văn phòng Hà Nội Văn phòng Hồ Chí Minh Tập chi Dệt May	455.558.919.474 435.782.765.277 17.841.846.568 1.934.307.629	31.929.823.652 18.900.872.339 11.141.933.095 1.887.018.218	423.151.184.089 416.414.559.205 6.689.335.473 47.289.411	477.911.733 467.333.733 10.578.000 -	237.910.165.162 253.032.648.671 (16.242.568.063) 1.120.084.554	
2	Các đơn vị phụ thuộc Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vét Hải Phòng Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Nối	84.355.670.068 74.056.851.542 10.298.818.526	84.045.907.719 73.769.116.426 10.276.791.293	31.863.783 24.536.550 7.327.233	277.898.566 263.198.566 14.700.000	(4.382.818.132) 1.839.635.356 (6.222.453.488)	
3	Tổng cộng	539.914.589.542	115.975.731.371	423.183.047.872	755.810.299	233.527.347.030	

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn Dệt May Việt Nam sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm tra xem Cơ quan Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Cơ quan Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Tập đoàn Dệt May Việt Nam, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	847.463.077.995	584.029.443.640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	700.034.889.406	720.705.210.544
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(iii)	507.200.000.000	387.200.000.000
		2.054.697.967.401	1.691.934.654.184

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Cơ quan Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng đối tượng nợ.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cơ quan Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Các khoản phải thu đã quá hạn chủ yếu từ các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Cơ quan Tổng Giám đốc tin rằng không có rủi ro trọng yếu từ các khoản phải thu này và không cho rằng các công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	445.259.789.243	559.794.421.231
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	738.854.396
Quá hạn trên 180 ngày	254.775.100.163	160.171.934.917
	700.034.889.406	720.705.210.544

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(iii) Các hợp đồng bảo lãnh tài chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có chính sách bảo lãnh tài chính cho các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày báo cáo, bảo lãnh được phát hành cho các khoản vay của các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
31/12/2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	214.240	214.240	214.240	-	-	-
Vay ngắn hạn và vay dài hạn	297.715	306.304	279.750	16.397	5.162	4.995
	511.955	520.544	493.990	16.397	5.162	4.995
31/12/2012						
Phải trả người bán và phải trả khác	173.430	173.430	173.430	-	-	-
Vay ngắn hạn và vay dài hạn	290.003	292.396	267.045	19.615	5.736	-
	463.433	465.826	440.475	19.615	5.736	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn Dệt may Việt Nam có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và các tài sản và nợ phải trả tiền tệ bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Dệt may Việt Nam chỉ có hai khoản tài sản tiền tệ là tiền bằng ngoại tệ có giá trị lần lượt theo nguyên tệ là 28.146 Đô la Mỹ và 223 EUR. Do đó, rủi ro hối đoái đối với Tập đoàn Dệt may Việt Nam là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 5.390 triệu VND phải trả dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi (31/12/2012: Không).

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.008.482.092.603	790.119.980.600
Nợ phải trả tài chính	(292.325.840.721)	(290.003.062.613)
	<hr/>	<hr/>
	716.156.251.882	500.116.917.987
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(5.389.649.400)	-
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 53 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2012: Không). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ. Cơ quan Tổng Giám đốc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Cơ quan Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) **Giá trị hợp lý**

(i) **Sơ sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	713.467	713.467	460.777	460.777
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	137.997	(*)	125.000	(*)
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	700.035	(*)	720.705	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường	166.134	145.081	194.660	149.942
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	3.078.937	(*)	3.173.668	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(214.240)	(*)	(173.430)	(*)
- Vay dài hạn	(297.715)	(*)	(290.003)	(*)
	4.284.615	(*)	4.211.377	(*)

(*) Tập đoàn Dệt may Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) **Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2013 VND	2012 VND
Xác định lại giá trị doanh nghiệp:		
Giảm các khoản phải thu ngắn hạn – giá trị thuần	-	(6.249.122.442)
Giảm các khoản phải thu dài hạn	-	(38.343.713.220)
Tăng tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	-	83.130.875.048
Tăng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	455.739.797.883
Tăng chi phí trả trước dài hạn	-	9.004.288.831
Tăng các khoản phải trả và nợ ngắn hạn	-	(101.912.508.508)
Tăng vốn chủ sở hữu	-	(359.248.065.592)
Tăng nguồn kinh phí sự nghiệp	-	(42.121.552.000)
Sáp nhập Vinatex Quảng Ngãi		
Tăng tiền	195.727.480	-
Tăng các khoản phải thu ngắn hạn	666.870.767	-
Tăng hàng tồn kho – giá trị thuần	4.577.052.571	-
Tăng tài sản ngắn hạn khác	1.503.694.432	-
Tăng tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	64.842.794.441	-
Giảm đầu tư vào công ty con	(45.000.000.000)	-
Tăng chi phí trả trước dài hạn	562.083.753	-
Tăng vay ngắn hạn	(27.159.703.335)	-
Tăng các khoản phải trả và nợ ngắn hạn	(9.551.509.839)	-
Tăng phải trả dài hạn	(14.876.990.810)	-
Tăng vay dài hạn	(5.389.649.400)	-
Tăng lỗ lũy kế	29.629.629.940	-
Thay đổi khác		
Giảm nguồn vốn do ghi nhận giảm khoản đầu tư tại Công ty con	(13.940.611.318)	-
Chuyển khoản phải thu khác sang đầu tư vào công ty con	25.500.000.000	-
Tăng đầu tư vào công ty liên kết do cổ tức được trả bằng cổ phiếu	26.070.600.000	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch sau với các công ty liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Công ty TNHH Dệt 8/3		
Hoàn trả khoản vay	-	23.420.000.000
Tạm dừng sửa chữa MMTB Vinafa	6.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn	26.003.600.000	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông		
Cổ tức	1.101.600.000	1.468.800.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Cổ tức	21.484.964.000	21.484.964.000
Tiền ứng trước để mua cổ phiếu	-	11.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Cung cấp dịch vụ	1.923.484.500	-
Hoàn trả khoản vay	20.000.000.000	50.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	1.851.666.666	8.453.444.446
Cổ tức	48.116.250.000	61.100.000.000
Đầu tư góp vốn	15.275.000.000	32.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội		
Khoản cho vay	23.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức	7.081.560.000	7.081.560.000
Thu nhập tiền lãi	4.684.222.219	1.756.777.776
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Cổ tức	29.565.000.000	19.710.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Hoàn trả khoản vay	-	15.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	-	1.904.791.667
Tổng Công ty Cổ phần May 10		
Phí gia công	76.348.516.794	68.143.609.804
Cổ tức	5.326.776.000	5.326.776.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	-	8.351.420.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cổ tức	8.759.640.000	5.109.790.000
Khoản cho vay	21.519.014.608	-
Hoàn trả khoản vay	587.579.746	-
Thu nhập tiền lãi	849.309.788	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cổ tức	4.599.504.000	4.599.504.000
Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex		
Hoàn trả khoản vay	14.254.400.000	15.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	50.682.311	8.224.770.135
Thoái vốn	30.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	9.830.499.000	6.553.666.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát		
Cổ tức	-	2.145.000.000
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
Cổ tức	3.300.000.000	4.125.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Hoàn trả khoản vay	2.051.666.665	20.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	-	4.944.555.555
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP Hồ Chí Minh		
Cổ tức	-	4.865.700.000
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam		
Thu nhập tiền lãi	13.750.029.628	19.811.487.741
Cổ tức	28.843.230.600	60.891.264.600
Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam		
Doanh thu cho thuê nhà	9.216.524.412	14.628.499.040
Công ty Vinatex Hồng Lĩnh		
Góp vốn đầu tư	-	16.350.000.000
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	3.054.250.000	5.631.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo		
Cổ tức	2.673.000.000	5.561.000.000
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Cổ tức	-	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á		
Thoái vốn	-	14.845.500.000
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Cổ tức	1.224.000.000	2.448.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN


	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu Cổ tức	1.117.860.000	1.442.400.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP Cổ tức	6.822.204.000	14.127.699.358
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến Cổ tức	67.029.600.000	33.514.800.000
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP Cổ tức	18.358.200.000	8.680.000.000
Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng dệt may Khu Công Nghiệp Phố Nối Đầu tư góp vốn	25.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Len Việt nam Cổ tức	3.028.432.000	-

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	12.021.452.464	1.448.409.183
Chi phí nhân công	79.358.182.268	68.247.618.442
Chi phí khấu hao	42.835.492.587	42.684.056.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.067.376.315	49.469.903.846
Chi phí khác	52.950.677.425	61.120.689.142

Ngày 28 tháng 4 năm 2014

Người lập


Trần Thị Thu Hằng
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:


Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc